

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 25 - 12 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Bà Đoàn Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 431/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2010 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi ĐKNKTT: Đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Đường L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Minh P, sinh năm 1974; nơi ĐKNKTT: Đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú hiện tại: Khu vực 3, (khu quy hoạch tái định cư H2), phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/9/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Minh P quen biết và tìm hiểu trong thời gian hơn 03 tháng thì quyết định chung sống với nhau. Sau hơn 04 năm sống chung và có với nhau 02 con thì mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật,

được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/3/2009.

Sau đó, hai người trở về thành phố Huế tiếp tục chung sống với nhau một thời gian thì xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P thường xuyên rượu chè, kiếm chuyện gây gổ, chửi bới một cách vô cớ và đánh đập bà H. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không giải quyết được, bà H không chịu đựng được sự đánh đập vô cớ của ông P nên bà H đã phải bỏ nhà ra ngoài thuê phòng trọ để ở. Đến nay, bà H và ông P đã tự ly thân nhau gần 5 năm, không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với ông Hoàng Minh P.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H khai có 02 con chung là Hoàng Nguyễn H.N, sinh ngày 26/11/2005 và Hoàng M.Y, sinh ngày 21/9/2007. Cả 02 cháu N và Y đều đang sống cùng với ông P, bà H có nguyện vọng giao cả 02 cháu N và Y cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 300.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu N và Y lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung và cũng không nợ nần gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình khởi kiện và giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh cháu Hoàng Nguyễn H.N và cháu Hoàng M.Y (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Hoàng Minh P (bản sao) và giấy chứng minh nhân dân của bà H (bản sao).

Đối với ông Hoàng Minh P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Giấy triệu tập của Tòa án cho ông P nhưng ông P đều không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Tòa án đã tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương để thu thập chứng cứ và tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020, ông P trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng, cuộc sống vợ chồng mặc dù có nhiều khó khăn nhưng cũng không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Ông P không biết rõ vì lý do gì mà bà H bỏ nhà, bỏ chồng và các con ra đi. Từ gần 05 năm nay, bà H không quay về và cũng không liên lạc gì với ông, không có trách nhiệm gì với con cái.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông thì ông không phản đối, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông P xác nhận có 02 con chung như bà H trình bày. Cả 02 cháu N và Y đều đang sống cùng với ông P, kể từ ngày bà H bỏ đi, một mình ông phải gánh vác trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm lo cho 02 con. Hiện nay, cả 02 cháu đang trong độ tuổi ăn tuổi học, mọi chi phí sinh hoạt tương đối nhiều; do đó, việc bà H tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu một tháng 300.000 đồng là không đảm bảo nên

ông yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 700.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu N và Y lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác nhận không có.

Ông P không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong vụ án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Bị đơn là ông Hoàng Minh P đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, qua thu thập chứng cứ của Tòa án, ông P có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, đồng thời Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo về thủ tục tố tụng.

Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Hoàng Minh P.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc giao 02 cháu Hoàng Nguyễn H.N và Hoàng M.Y cho ông Hoàng Minh P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện và nguyện vọng của 02 cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời cần xem xét mức cấp dưỡng hợp lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Hoàng Minh P vì lý do công việc không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa và đã có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của ông Hoàng Minh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Minh P có thời gian tự tìm hiểu nhau, sống chung và tiến hành đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/3/2009. Sau khi kết hôn, bà H và ông P chung sống với nhau một thời gian thì xảy ra nhiều bất đồng, thường xuyên cãi vã, gây gổ, đánh đập nhau. Cuộc sống vợ

chồng không còn hạnh phúc, bà H và ông P đã sống ly thân gần 05 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông P đã quá trầm trọng không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng giữa hai người cũng không còn; bà H yêu cầu được ly hôn và ông P cũng không phản đối việc ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Hoàng Minh P.

[3] Về con chung: Bà H và ông P đều khai nhận có 02 con chung là Hoàng Nguyễn H.N, sinh ngày 26/11/2005 và Hoàng M.Y, sinh ngày 21/9/2007. Cả 02 cháu N và Y đều đang sống cùng với ông P. Hiện tại bà H không có nhà cửa ổn định, đang thuê nhà trọ để lưu trú, còn ông P có nhà cửa, nơi ở ổn định, nên cần giao 02 cháu N và Y cho ông P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo về điều kiện sinh sống cũng như phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu N và Y.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H có nguyện vọng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 300.000 đồng/tháng nhưng ông P không chấp nhận, ông P đề nghị Tòa án xem xét buộc bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu số tiền 700.000 đồng/tháng. Xét hiện tại cháu N đã 15 tuổi, cháu Y 13 tuổi là đang trong độ tuổi phát triển và học tập cần nhiều chi phí, đối chiếu với mức chi phí sinh hoạt trung bình tại địa phương thì mức cấp dưỡng mà ông P yêu cầu là hợp lý nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Minh P đều thừa nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Hoàng Minh P.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Hoàng Nguyễn H.N, sinh ngày 26/11/2005 và Hoàng M.Y, sinh ngày 21/9/2007 cho ông Hoàng Minh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 700.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu N và Y lần lượt đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải

chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000465 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Minh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND xã L;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TT – Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Nam